TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ R
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2023
"*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ R, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Mỹ Phượng
2. Ông Lương Chí Nguyện

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Mộng Đẹp - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 76/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20/02/2023 về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 2001 (có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Khóm X, Phường L, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn Chanh, sinh năm 1993 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm X, Phường L, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Atrình bày*:* Chị A và anh Lê Văn B chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/10/2019, tại UBND phường L, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu. Anh chị có 02 người con chung là cháu Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 11/01/2017; cháu Lê Văn B, sinh ngày 15/4/2019. Trong thời gian chung sống vợ chồng, chị A và anh B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ gia đình chồng, mẹ chồng khó khăn, không thương chị, tiền lương vợ chồng đi làm mẹ chồng đều lấy hết. Chị Acó nhiều lần tâm sự với anh B để tiềm ra hướng giải quyết, vợ chồng cùng ra sống riêng nhưng anh B không

đồng ý, để mâu thuẫn gia đình ngày càng nhiều. Do đó, chị Ađã bỏ nhà về sống cùng cha mẹ ruột tại ấp X, xã P, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu từ tháng 5/2022 cho đến nay. Kể từ ngày chị Ađi thì anh B không gọi điện thoại cũng không đến thăm. Do đó chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chanh. Về con chung: Do từ nhỏ đến nay các cháu sống chung với cha nên chị Ađồng ý giao 2 con cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị không có khả năng cấp dưỡng nuôi con do hiện nay chị không có việc làm. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn chị anh Lê Văn B dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên toà xét xử, nên Toà án không thể ghi nhận ý kiến của anh B.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng không có lý do là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Ađược ly hôn với anh A. Về con chung giao cháu Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 11/01/2017 và cháu Lê Văn B, sinh ngày 15/4/2019 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung do chị A xác định không có nên không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị A và anh B tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có làm lễ cưới theo tập quán và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/10/2019, tại UBND phường L, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu, theo

đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nay chị A khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B và giải quyết về con chung đây thuộc quan hệ *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn"*, anh B hiện đang cư trú tại Khóm X, phường L, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã R theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị A là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; anh B là bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

[3] Về hôn nhân:

[3.1] Chị A xác định: Trong thời gian chung sống vợ chồng, chị A và anh B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ gia đình chồng, mẹ chồng khó khăn, không thương chị, tiền lương vợ chồng đi làm mẹ chồng đều lấy hết. Chị A có nhiều lần tâm sự với anh B để tiềm ra hướng giải quyết, vợ chồng cùng ra sống riêng nhưng anh B không đồng ý, để mâu thuẫn gia đình ngày càng nhiều. Chị A đã bỏ nhà về sống cùng cha mẹ ruột tại ấp X, xã P, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu từ tháng 5/2022 cho đến nay. Kể từ ngày chị A đi thì anh B không gọi điện thoại cũng không đến thăm. Do đó chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã hòa giải để chị A và anh B đoàn tụ nhưng chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn vì nhận thấy không còn tình cảm, cả hai không còn quan tâm nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Còn anh B dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải nhưng anh B không tham gia. Xét thấy, hôn nhân phải dựa trên cơ sở tình yêu thương của cả hai vợ chồng, nhưng chị A cương quyết xin ly hôn, cả hai không chung sống với nhau thời gian dài, không còn quan tâm đến đời sống của nhau, vì vậy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Alà phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 02 người chung: Cháu Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 11/01/2017; cháu Lê Văn B, sinh ngày 15/4/2019, do từ nhỏ đến nay các con sống chung với cha nên chị A đồng ý giao 2 con cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị không có khả năng cấp dưỡng nuôi con do hiện nay chị không có việc làm, kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ

biên bản xác minh ngày 27/3/2023 trưởng Khóm X, phường L, thị xã R ông Châu Văn C xác định: Hiện tại 02 người con của chị A và anh B được anh B chăm sóc trực tiếp, hai cháu được anh B cho đi học và phát triển tốt. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy để tránh sự sáo trộn sinh hoạt của hai cháu; có căn cứ giao cháu T và cháu B cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật. Chị Akhông phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Axác định về tài sản chung và nợ chung chị và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị Aphải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51 và các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Lê Văn B.

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung cháu Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 11/01/2017; cháu Lê văn B, sinh ngày 15/4/2019 cho anh Lê Văn B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. 02 cháu hiện đang sống cùng anh B được giữ nguyên.

2.2 Chị Nguyễn Thị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

2.3 Chị Nguyễn Thị A không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà án không xem giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị Nguyễn Thị A có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số: 0004708, ngày 20/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã R, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùg cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thuý